| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CL**<br>TỈNH BT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 94/2023/DS-ST
Ngày: 02-6-2023
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phạm Thị Kim H.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Văn Th.

Ông Đoàn Minh T.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT*** *tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thanh Th1 - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2023/TLST - DS ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Ngọc H3 - sinh năm 1980; địa chỉ: ấp Định Bình, xã Hòa Nghĩa, huyện CL, tỉnh BT.

*Bị đơn:* Bà Ngô Thị Mỹ D - sinh năm 1973 và ông Huỳnh Nhựt Đ - sinh năm 1970; địa chỉ: 370/11 ấp Sơn Qui, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh BT.

Bà H3 có mặt. Bà D, ông Đ vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H3 trình bày:*

Do có quen biết và có quan hệ bà con nên bà H3 có cho ông Huỳnh Nhựt Đ và bà Ngô Thị Mỹ D vay tiền nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 15/5/2022, bà H3 cho bà D vay số tiền nhiều lần, sau đó viết biên nhận tổng hợp với số tiền tổng cộng là 298.700.000đồng, lãi suất 2%/năm, có hứa trong thời hạn vài tháng trả lại, mục đích vay tiền là là ông bà mua bán bưởi.

- Vào ngày 23/5/2022, bà H3 cho bà D vay với số tiền 30.000.000đồng, cụ thể bà D có đem xe của ông Đ cầm cho bà H3 30.000.000đồng nhưng là chỗ quen biết bà H3 đã trả xe cho ông Đ nhưng chưa nhận lại số tiền 30.000.000đồng, không có làm biên nhận, không có lãi, bà D hứa trong thời hạn vài tháng trả lại cho bà nhưng cho đến nay chưa trả lại.

- Ngày 03/10/2022, bà H3 cho ông Đ vay số tiền 50.000.000đồng, không có lãi, hứa thời hạn vài tháng để trả, không có làm biên nhận.

Tổng cộng, bà H3 cho vợ chồng bà D và ông Đ vay số tiền là 378.700.000đ (ba trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng). Từ khi vay tiền đến nay, bà D và ông Đ không trả cho bà H3 tiền gốc và lãi.

Vì vậy, nay bà H3 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ngô Thị Mỹ D và ông Huỳnh Nhựt Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà H3 tổng số tiền gốc là 348.700.000đồng và xin rút một phần yêu cầu đơn khởi kiện đối với số tiền 30.000.000đồng là tiền bà D cầm xe mà bà H3 đã trả xe cho ông Đ. Bà H3 không yêu cầu tính lãi.

*Bị đơn bà D* mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án gồm: thông báo về việc thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện, tất cả các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện, đã được thông báo công khai các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án,…. nhưng vẫn vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết vụ án.

*Theo biên bản hòa giải, biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Đ trình bày:* đối với số tiền 50.000.000đồng mà ông trực tiếp mượn của bà H3 thì ông đồng ý tự bản thân trả cho bà H3. Còn đối với số tiền 30.000.000đồng cầm xe và số tiền bà D ký tên nhận trong giấy cho mượn tiền ngày 15/5/2022 là 298.700.000đồng thì nếu bà D thừa nhận thì ông là chồng thì cũng đồng ý cùng bà D liên đới trả nợ, nhưng nếu có bán được đất đai có giá trị lớn thì ông sẽ trả chứ nếu đi làm mướn hằng ngày thì ông không có khả năng trả.

*Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 463, 466 của BLDS năm 2015, khoản 2 Điều 244 BLTTDS:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc H3 đối với bà Ngô Thị Mỹ D và ông Huỳnh Nhựt Đ về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc H3 đối với số tiền 30.000.000 đồng. Buộc bà Ngô Thị Mỹ D và ông Huỳnh Nhựt Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H3 số tiền 348.700.000 đồng, ghi nhận bà H3 không yêu cầu tính lãi.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS)năm 2015; Điều 463 của Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà D, ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia. Căn cứ vào Điều 227, 228 của BLTTDS năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà D, ông Đ là phù hợp.

Xét "Giấy cho mượn tiền ngày 15/5/2022" nhận thấy, tờ giấy tay trên có thể hiện họ tên, số căn cước công dân và địa chỉ nơi cư trú cụ thể của bên cho vay và bên vay, trong đó bên vay là Ngô Thị Mỹ D, Số CCCD 083171013695, ngày cấp 13/02/2022, hộ khẩu thường trú: ấp Sơn Qui, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh BT. Như vậy, việc bà D không đến Tòa là cố tình lẩn tránh nên Tòa án nhân dân huyện CL thụ lý, giải quyết là phù hợp khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H3 yêu cầu bà Ngô Thị Mỹ D và ông Huỳnh Nhựt Đ cùng liên đới trả cho bà H3 số tiền 348.700.000 đồng và cung cấp chứng cứ là "Giấy cho mượn tiền ngày 15/5/2022".

Căn cứ vào Giấy cho mượn tiền nhận thấy, giấy cho mượn tiền được bà D ký tên, ghi họ tên Ngô Thị Mỹ D tại mục Bên B (bên vay) mặc dù về hình thức không được công chứng, chứng thực, cũng như không có người làm chứng nhưng sau khi được Tòa án tống đạt chứng cứ là "Giấy cho mượn tiền ngày 15/5/2023" thì bà D và ông Đ không có ý kiến phản hồi gì. Hơn nữa, theo biên bản lấy lời khai ngày 21/4/2023, ông Đ khai rằng bà D nói có mượn tiền của bà H3 nhiều lần, bà H3 cộng vô hết rồi bắt buộc bà D ký tên chứ bà D không biết số tiền là bao nhiêu. Còn nội dung trong "Giấy mượn tiền ngày 15/5/2023" ghi nhận: *Bên A (Bên cho vay là bà Trần Thị Ngọc H3) đồng ý cho bên B (Bên vay là bà Ngô Thị Mỹ D) và bên B đồng ý nhận tiền vay của bên A, số tiền vay: 298.700.000đồng*. Điều đó chứng tỏ, bà D có vay của bà H3 với số tiền 298.700.000đồng và đến nay chưa trả cho bà H3 như bà H3 trình bày là có cơ sở.

Còn đối với số tiền 50.000.000đồng nguyên đơn bà H3 cho rằng bà trực tiếp giao cho ông Đ vào ngày 03/10/2022 và được ông Đ thừa nhận theo biên bản hòa giải ngày 27/3/2023 và biên bản lấy lời khai của ông Đ ngày 27/3/2023 nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 BLTTDS năm 2015.

[3.2] Về trách nhiệm liên đới của vợ chồng bà D và ông Đ: bà D vay của bà H3 số tiền 298.700.000đồng để mua bán bưởi, còn số tiền 50.000.000đồng ông Đ nhận cũng đưa lại cho bà D. Như vậy, bà D và ông Đ đều sử dụng số tiền vay để làm ăn, phát triển khối tài sản chung của vợ chồng, tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình và theo biên bản hòa giải ngày 27/3/2023 thì ông Đ cũng đồng ý cùng liên đới với bà D trả nợ nên vợ chồng bà D và ông Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà H3 số tiền vay là phù hợp với quy định tại Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do đó, nguyên đơn bà H3 yêu cầu vợ chồng bà D và ông Đ cùng liên đới trả cho bà H3 số tiền tổng cộng 348.700.000đồng (298.700.000đồng + 50.000.000đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Nguyên đơn bà H3 không yêu cầu tính lãi đối với số tiền gốc mà bị đơn bà D, ông Đ đã vay nên ghi nhận.

[3.4] Theo đơn xin rút đơn khởi kiện một phần ngày 18/5/2023 và tại phiên tòa, bà H3 tự nguyện rút một phần đơn khởi kiện đối với số tiền 30.000.000đồng là tiền bà D đem cầm cố chiếc xe máy của ông Đ. Nhận thấy, việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 244 BLTTDS.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 17.435.000đồng (348.700.000 đồng x 5%). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H3 được chấp nhận nên bà D, ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí này theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 244, 266, 267, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Căn cứ các Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc H3 đối với bà Ngô Thị Mỹ D và ông Huỳnh Nhựt Đ về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc Ngô Thị Mỹ D và ông Huỳnh Nhựt Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Ngọc H3 số tiền là 348.700.000đ (Ba trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc H3 đối với bà Ngô Thị Mỹ D và ông Huỳnh Nhựt Đ, về việc bà H3 yêu cầu bà D, ông Đ cùng liên đới trả số tiền 30.000.000đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Ngô Thị Mỹ D và ông Huỳnh Nhựt Đ phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.435.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Ngọc H3 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.468.000đ (Chín triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001634 ngày 07/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh BT.

3. Bà H3 có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà D, ông Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận**:
- *VKSND huyện CL;*
- *Chi cục T.H.A DS CL;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA+VP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
***Đã ký tên và đóng dấu***

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**